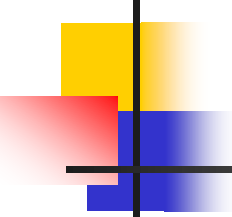




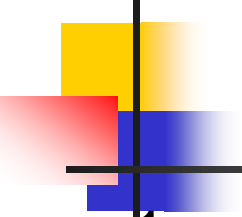
CHƯƠNG VII

**Kế toán nghiệp vụ mua hàng trong
nội bộ và xuất khẩu hàng hóa**



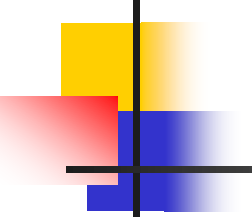
Mục tiêu chương

- Giúp sinh viên hình dung được quá trình mua hàng trong nước và xuất khẩu hàng hoá; các nghiệp vụ kế toán cần thiết để ghi chép lại quá trình đó.
- Giới thiệu một số vấn đề nổi bật có liên quan đến hoạt động thương mại trong nước cũng như xuất khẩu như việc kế toán ngoại tệ, thuế giá trị gia tăng.
- Hướng dẫn cụ thể việc thực hiện ghi sổ và định khoản kế toán các nghiệp vụ mua hàng trong nước và xuất khẩu hàng hoá.



Tóm tắt nội dung

1. **Nhệ thống vốn chung và kế toán nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu**
 - Đặc điểm của hoạt động kinh doanh XNK
 - Nhiệm vụ của kế toán trong doanh nghiệp ngoại thương
 - Nguyên tắc kế toán ngoại thương
 - Kế toán thu nhập GTGT.
 - Phương pháp kế toán hàng tồn kho
2. **Kế toán nghiệp vụ mua hàng xuất khẩu**
3. **Kế toán nghiệp vụ xuất khẩu hàng hóa**



1. Đặc điểm kinh doanh XNK

1.1 Đặc điểm về phương thức xuất - nhập khẩu hàng hóa

- Xuất nhập khẩu theo nghị định thư.
- Xuất nhập khẩu tự cân đối: ngoài nghị định thư.

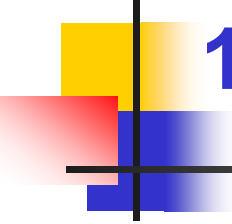
Cả hai phương thức xuất nhập khẩu trên có thể được thực hiện theo các hình thức sau:

- Thu mua hàng trong nước và XK hàng hoá.
- NK hàng hoá và tiêu thụ hàng nhập khẩu.



1. □đc ăiợm kinh doanh XNK

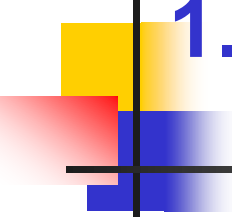
- 1.2 Lưư chuyển hàng hoá theo một chu kỳ khép kín bao gồm hai giai đoạn:
- Thu mua hàng trong nước và xuất khẩu hàng hoá.
 - Nhập khẩu hàng hoá và tiêu thụ hàng nhập khẩu.



1. Đặc điểm kinh doanh xuất nhập khẩu

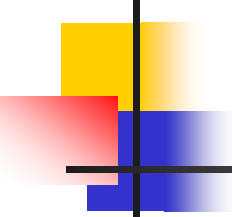
1.3 Giá cả trong ngoại thương đều gắn liền với một điều kiện giao hàng có liên quan đến giá đó

- CIF
- FOB



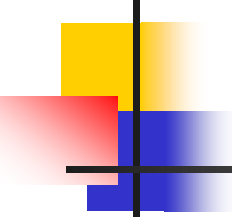
1. □đc ăiợm kinh doanh xuất nhập khẩu

- 1.4. Phương thức thanh toán phù hợp với thông lệ quốc tế, tập quán của mỗi nước cũng như từng hợp đồng ngoại thương
- Phương thức chuyển tiền (Remittance)
 - Phương thức nhờ thu (collection of payment)
 - Phương thức tín dụng chứng từ (letter of credit - L/C)
 - Phương thức mở tài khoản (open an account)



2. Nhiệm vụ của kế toán trong các doanh nghiệp ngoi th- i ng

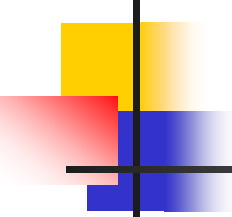
- Phản ánh và kiểm tra tình hình ký kết, thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu.
- Kiểm tra, quản lý hàng hoá xuất nhập khẩu về cả số l- ợng và giá trị.
- Tổ chức kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết để tính toán chính xác hiệu quả kinh doanh XNK.



3. Nguyên tắc kế toán ngoại tệ

Cơ sở pháp lý:

- Thông t- 44TC/TCDN ngày 7/7/1997.
- Chuẩn mực kế toán số 10 □ □nh h- ớng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và các thông t- h- ớng dẫn chuẩn mực.
 - Điều chỉnh kế toán các giao dịch bằng ngoại tệ.
 - Điều chỉnh việc chuyển đổi báo cáo tài chính n- ớc ngoài để hợp nhất báo cáo.



3. Nguyên tắc kế toán ngoại tệ

Một số khái niệm liên quan:

- **Giao dịch bằng ngoại tệ:** giao dịch đ- ợc xác định bằng ngoại tệ hoặc thanh toán bằng ngoại tệ
- **Các khoản mục tiền tệ:** tiền, t- ợng đ- ợng tiền, phải thu hoặc phải trả bằng tiền.
- **Các khoản mục phi tiền tệ:** Các khoản mục không phải là khoản mục tiền tệ.
- **Tỷ giá hối ả ngày giao dịch:** Tỷ giá giao ngay, tỷ giá trung bình tuần hoặc tháng trong tr- ờng hợp tỷ giá t- ợng đối ổn định.
- **Tỷ giá cuối kỳ:** Tỷ giá hối đoái vào ngày lập báo cáo tài chính.



Nguyên tắc kế toán ngoại tệ

Nội dung các nguyên tắc: (theo VAS)

- **Số đông công Việt nam làm ăn và xuất nhập khẩu, trừ trường hợp đặc biệt số đông ăn và xuất nhập khẩu (theo quyết định của BTC)**
- **Các giao dịch bằng ngoại tệ phải được hạch toán theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. (tỷ giá thực tế hoặc tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước công bố hàng ngày)**
- **Công thức với việc ghi kép, Kế toán phải ghi sổ TK 007 về Ngoại tệ các loại khi có phát sinh nghiệp vụ thu, chi ngoại tệ**



3. Nguyên tắc kế toán ngoại tệ (tiếp)

Nội dung các nguyên tắc: (theo CM 10)

- *Đối với Tài khoản thu của doanh thu, hàng tồn kho, TSCĐ, chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí khác, bản Nợ các Tài khoản và bảng tính: sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh. (TGTT)*



3. Nguyên tắc kế toán ngoại tệ (tiếp)

Nội dung các nguyên tắc:

- **Đối với bản Cờ của các Tài khoản vốn bằng tiền:** sử dụng tỷ giá ghi trên sổ kế toán (tỷ giá bình quân gia quyền; tỷ giá nhập tr- ớc, xuất tr- ớc...).
- (TGHT)



3. Nguyên tắc kế toán ngoại tệ (tiếp)

c. Nội dung các nguyên tắc: (theo VAS)

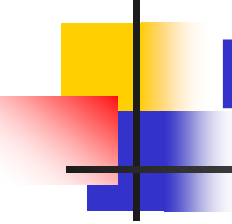
- *Đối với bản C của các Tài khoản ngoại tệ, hoặc bản N của các Tài khoản ngoại thu: sổ **dòng tiền giao dịch**;*
- *Đối với bản N của các Tài khoản ngoại tệ, hoặc bản C của các Tài khoản ngoại thu, khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ phải **đ- ợc ghi sổ kế toán bằng Đồng Việt Nam, hoặc bằng đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo **tỷ giá ghi trần sẵn** k**to*



3. Nguyên tắc kế toán ngoại tệ (tiếp)

c. Nội dung các nguyên tắc: (theo VAS)

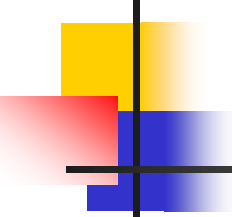
***Cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải
ảnh hưởng các khoản mục tiền tệ
giao dịch theo tỷ giá giao dịch bình
quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân
hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
cảng bố tại thời điểm lớp BÚng C&KT
cuối năm tài chính.***



Nguyên tắc kế toán ngoại tệ

b. Nội dung các nguyên tắc:

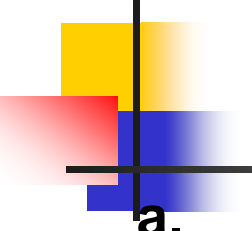
- **Xử lý chênh lệch tỷ giá trong giao dịch:**
 - **Đối với doanh nghiệp mới thành lập:** Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình xây dựng, hình thành TSCĐ cố định treo trên TK 413 và phân bổ tỷ giá 5 năm sau khi TSCĐ cố định đưa vào hoạt động.
 - **Đối với tr- ngại hợp kh-:** Chênh lệch tỷ giá cố định tính ngay vào chi phí thu nhập hoạt động tài chính.



Nguyên tắc kế toán ngoại tệ

b. Nội dung các nguyên tắc:

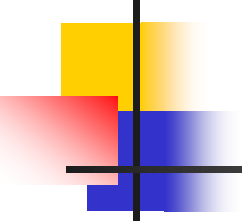
- Tất cả ngày lớp BÚng cần nắm vững các nguyên tắc:
 - Các khoản mục tài sản gốc ngoại tệ phải nắm vững các nguyên tắc và báo cáo theo tài khoản sổ của;
 - Chẩn đoán tài sản gốc nắm ngay vào chi phí thu nhập hoạt động tài chính.
 - Các khoản mục phi tài sản gốc báo cáo theo tài khoản sổ của tất cả ngày giao dịch.



4. Thuế giá trị gia tăng

Khái niệm:

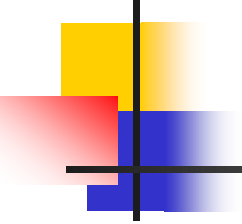
- **Giá trị gia tăng:** Giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng
- **Thuế giá trị gia tăng:** Thuế tính trên giá trị tăng thêm. Đảm bảo không đánh thuế 2 lần đối với cùng một khoản thu nhập.



4. Thuế giá trị gia tăng

b. Cơ sở pháp lý

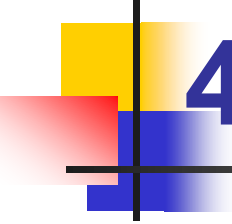
- Luật thuế GTGT ngày 10/5/1997, có hiệu lực 1/1/1999.
- Luật sửa đổi luật thuế GTGT 17/6/2003.
- Nghị định 79/2000/NĐ-CP ngày 29/12/2000, nghị định 76/2002/NĐ-CP ngày 13/9/2002.
- Thông t- 122/2000/TT-BTC ngày 29/12/2000, thông t- 82/2002/TT-BTC ngày 18/9/2002.



4. Thuế giá trị gia tăng

c. Nội dung các quy định về thuế GTGT

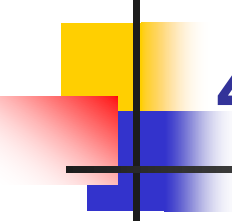
- **Đối tượng chịu thuế:** Hàng hoá, dịch vụ dùng cho SX, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt nam, trừ những đối tượng không chịu thuế bao gồm:
 - Sản phẩm nông nghiệp chưa qua chế biến của người trực tiếp sản xuất.
 - Thiết bị máy móc chuyên dùng mà trong nước chưa sản xuất được.
 - Các hoạt động không nhằm mục đích kinh doanh: bảo hiểm, y tế, dạy nghề, phát hành sách báo mang tính tuyên truyền, phổ cập giáo dục, dịch vụ công cộng.
 - Hàng nhập khẩu là: viện trợ nhân đạo, hành lý cá nhân, quà tặng, hàng quá cảnh v.v.



4. Thu thuế giá trị gia tăng

c. Nội dung các quy định về thuế GTGT

- **Đối tượng nộp thuế**
 - Các tổ chức, cá nhân có sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT.
 - Các tổ chức cá nhân có nhập khẩu hàng hoá chịu thuế GTGT.
- **Cơ sở tính thuế**
 - Giá tính thuế:
 - Thuế suất:



4. Thuế giá trị gia tăng

■ **Giá tính thuế**

- Đối với hàng hoá, dịch vụ là **giá bán chưa bao gồm thuế GTGT**.
- Đối với hàng NK là **giá NK tại cửa khẩu + thuế nhập khẩu**.
- Đối với hàng bán trả góp là giá tính theo giá bán trả 1 lần.
- Đối với hoạt động cho thuê TS là tiền thuê từng kỳ.

■ **Thuế suất:** 3 mức thuế suất

- 0% đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu
- 5% đối với hàng hoá, dịch vụ thiết yếu/cần hỗ trợ, khuyến khích.
- 10% đối với tất cả các hàng hoá, dịch vụ khác (mức thuế suất phổ biến nhất).

4. Thuế giá trị gia tăng

d. Ph- ơng pháp tính thuế

- **Ph- ơng pháp khấu trừ:** Sử dụng chủ yếu
Thuế GTGT phải nộp = Thuế GTGT đầu ra - Thuế GTGT đầu vào
Thuế GTGT đầu ra =

Giá tính thuế của HH, DV bán ra x Thuế suất

Thuế GTGT đầu vào =

Tổng thuế GTGT ghi trên hoá đơn của ng- ời bán.

- **Ph- ơng pháp trực tiếp:**

Thuế GTGT phải nộp = GTGT x thuế suất

GTGT = Giá thanh toán của HH, DV bán ra

□ Giá thanh toán của HH, DV mua vào t- ơng ứng



4. Thuế giá trị gia tăng

e. Nguyên tắc khấu trừ:

- Khấu trừ toàn bộ thu nhập vào c/c hh, dv đ/c SX, KD hh, dv chi thu GTGT.
- Thu GTGT nhập vào phát sinh trong tháng nào nhập khấu trừ khi X/ thu GTGT phải nộp c/c tháng nhập.
- Chi phí khấu trừ thu GTGT nhập vào nhập v/ hh, dv mua vào nhập SX, KD hh, dv chi thu GTGT. Nếu nhập nhập sản xuất, kinh doanh c/ hàng hóa hằng chi thu GTGT thì phải tiến hành phân bổ thu GTGT nhập vào, tháng tiếp theo tiến hành phân bổ doanh số c/c hàng hóa, dịch vụ chi thu GTGT và tăng doanh số bán ra.

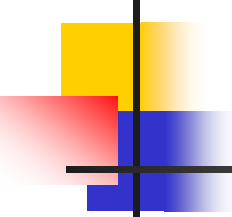
4. Thuế giá trị gia tăng

e. Nguyên tắc khấu trừ:

- **Chỉ có hai loại hàng hóa được khấu trừ:**

$$\text{Thuế GTGT} = \frac{\text{Giá thanh toán}}{1 + \% \text{ thuế suất}} \times \text{thuế suất}$$

- **Số thuế GTGT trừ vào hàng hóa - dịch vụ mua sắm để bán vào giá vốn của hàng hóa bán ra trong kỳ**
- **Trường hợp hàng hóa - dịch vụ mua sắm để bán, nhưng không bán hoặc mua của người bán nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì hàng hóa - dịch vụ mua sắm để bán không được khấu trừ thuế GTGT trừ vào.**



4. Thuế giá trị gia tăng

f. Kế toán thuế GTGT (pp khấu trừ)

■ **Chứng từ kế toán:**

- **Hóa vào:** Hóa đơn GTGT do ng-ời bán xuất có ghi đầy đủ thông tin về ng-ời bán, ng-ời mua (kể cả mã số thuế), giá bán chưa thuế, thuế GTGT và tổng giá thanh toán.
- **Hóa ra:** Hóa đơn GTGT xuất cho ng-ời bán.

■ **Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 133 ☐ Thuế GTGT được khấu trừ
- Tài khoản 3331 ☐ Thuế GTGT phải nộp.

Phương pháp khấu trừ TK sử dụng.

TK 133

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

-Thuế GTGT đầu vào đã được khấu trừ

- Kết chuyển VAT đầu vào không được khấu trừ

- VAT đầu vào được hoàn lại

VAT đầu vào còn được khấu trừ, hoàn lại

TK 3331

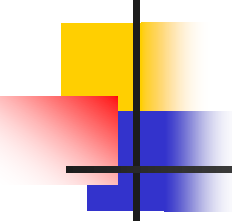
-VAT đầu vào đã được khấu trừ

-VAT đã nộp ngân sách, VAT của hàng bị trả lại

-VAT đầu ra phải nộp

- VAT của hàng nhập khẩu

VAT còn phải nộp đến cuối kỳ



4. Thuế giá trị gia tăng

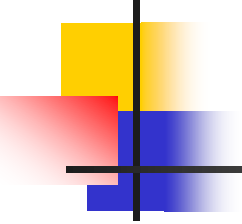
f. Kế toán thuế GTGT (pp khấu trừ)

■ Vở minh họ:

02/01: Mua hàng, Giá bán chưa thuế 200 tr, Thuế GTGT 10%. Hàng nhập kho, chưa trả tiền ngân hàng

05/01: Mua NVL để sản xuất hàng B thuế nhập khẩu chịu thuế TTĐB, Giá mua chưa thuế 150tr, thuế GTGT 10%, Hàng nhập kho, công ty thanh toán cho ngân hàng bằng tiền gửi ngân hàng

12/01: Kế toán nhập khẩu hàng hóa công ty X của HongKong để nhập khẩu hàng nhập vào hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế GTGT.



4. Thuế giá trị gia tăng

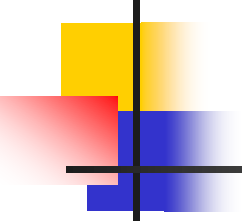
f. Kế toán thuế GTGT (pp khấu trừ)

■ Vở minh họ

25/01: Hàng vủ ảh cỪg. Giả mua nhốp khộu: 40.000USD, thuế NK: 20%, thuế GTGT 10% ả- ảc nỏp bằng chuyờn khoỪ. Cầg ty ch- a trỪ tiủn ng- ải bảh.

26/01: Nhốp khộu NVL dừg vào hoặ ảừg sỪn xuốt kinh doanh khầg thuế diừh chừu thuế GTGT Giả mua NK: 10.000 USD Thuế NK 15%, thuế GTGT 10%, ả- nỏp bằng chuyờn khoỪ. Cầg ty ả- trỪ tiủn cho ng- ải bảh bằng tiủn gừi ngân hàng.

Yầu cừu: Từnh sừ thuế GTGT ả- ảc khấu trừ vào thừi ảiờm cừi thừg.



6. K_hto_n thu mua hàng ho_uXK

a. Đ_ođ_ai_m, ph-_ong th_uc

- Đ_ođ_ai_m: Mua hàng ă_o sau ă_o xuô_t ra n-_oc ngoài v_oi gi_ocao h_on. Là qu_o tr_onh vôn ă_ong chuy_on t_o h_onh th_oi v_on ti_on t_osang v_on hàng ho_u.
- C_oc ph-_ong th_uc thu mua:
 - Thu gom hàng XK
 - Mua hàng tr_oc ti_op t_o c_os_o SX, trung gian c_o ho_uă_on.
 - Đ_ođ_a hàng.
 - Gia c_ong hàng XK (kh_ong h_oc)

b, Tính giá hàng hoá mua vào:

Giá nhập kho của vật t- , hàng hoá

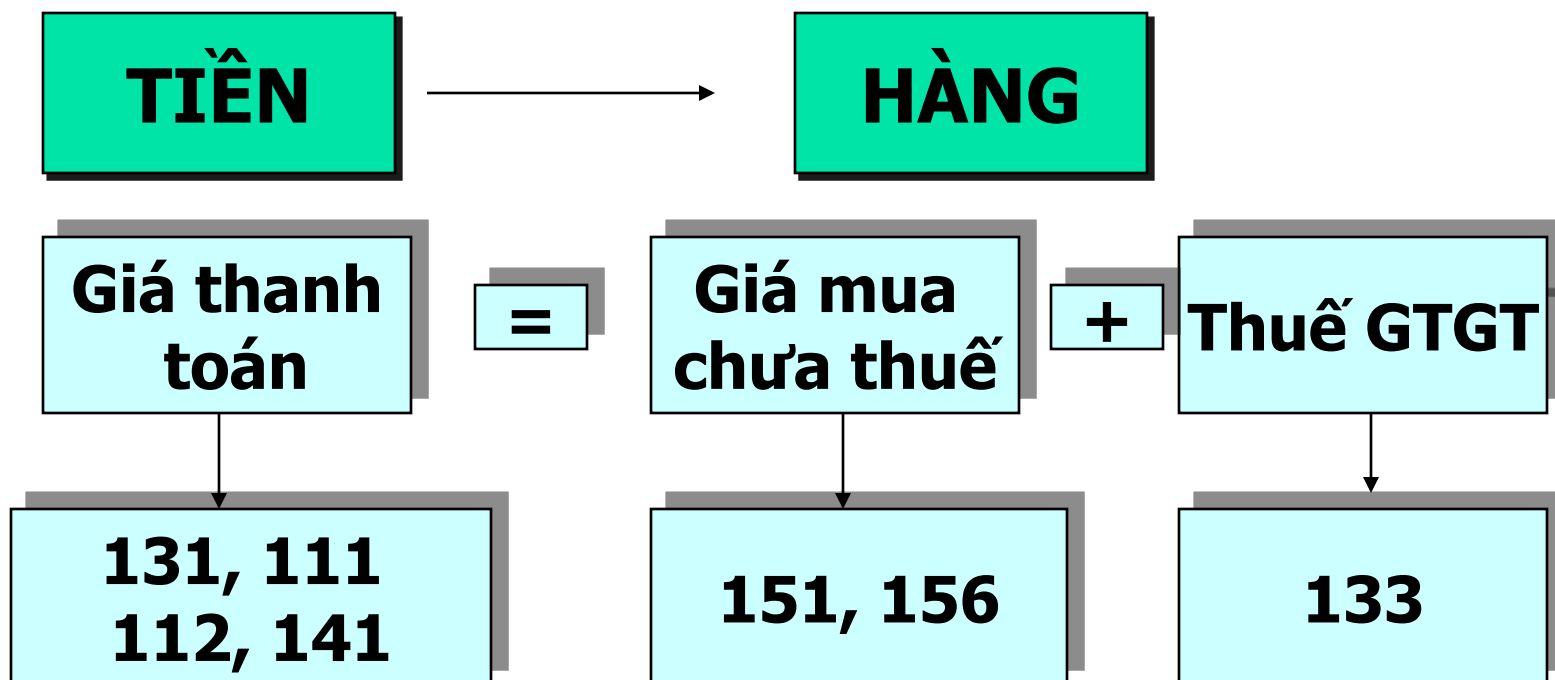
Giá mua

Chi phí thu mua

+ Giá mua
- Giảm giá (trừ chiết khấu thanh toán)
+ Thuế nhập khẩu
+ Thuế GTGT (khi mua hàng)

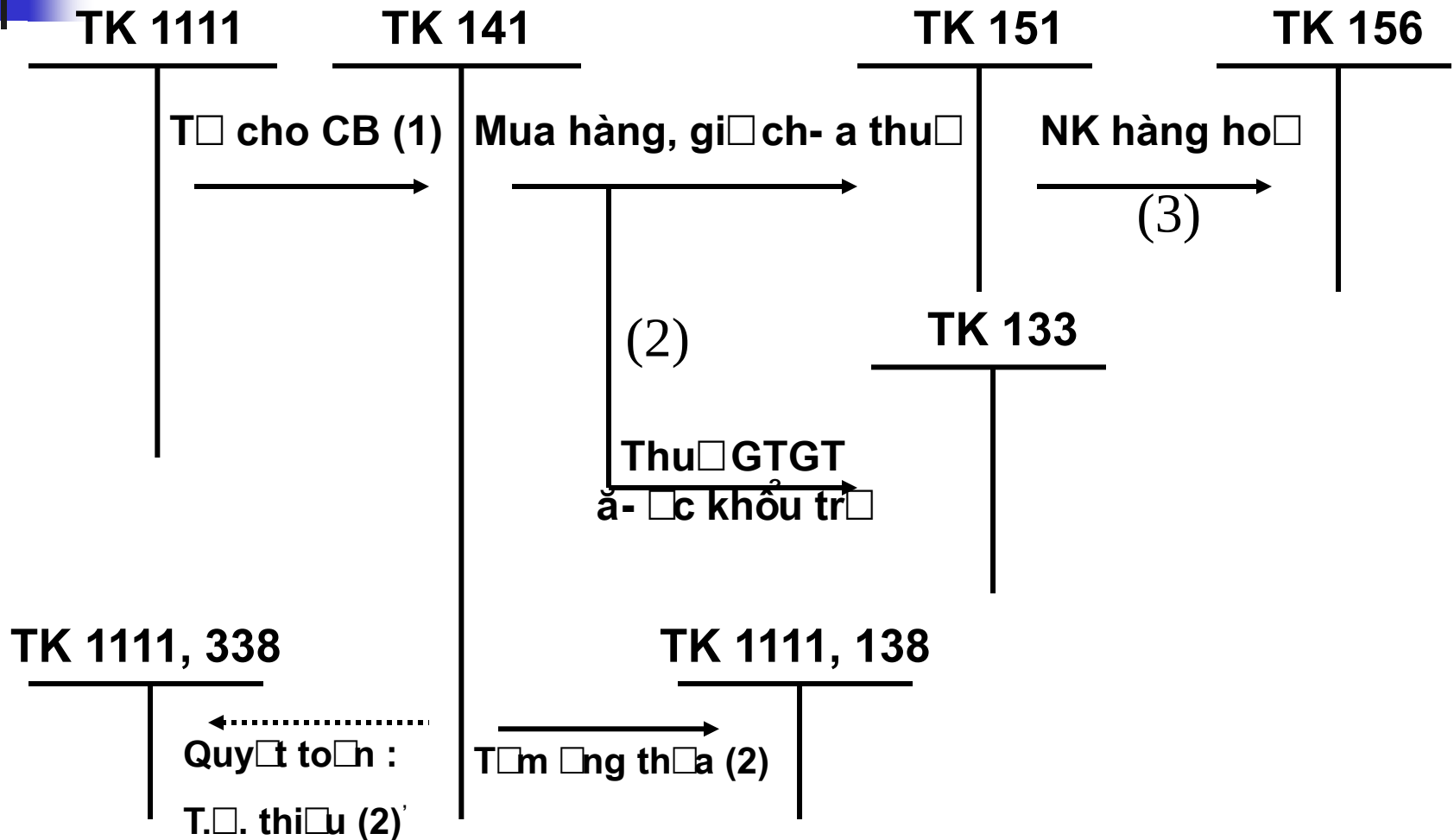
+ Chi phí vận chuyển, bốc dỡ
+ Chi phí kho hàng, bảo quản
+ Chi phí bốc dỡ
+ Hao hụt trong quá trình mua

Tài khoản sử dụng



Kế toán thu mua hàng hoá XK

Thu gom hàng hoá



Kế toán thu mua hàng hoá XK

Mua hàng trực tiếp từ nước SX KD có hoá đơn.

TK 1111, 1112, 331

TK 151

TK 156

Mua hàng, ghi chép và thu

NK hàng hoá

(1)

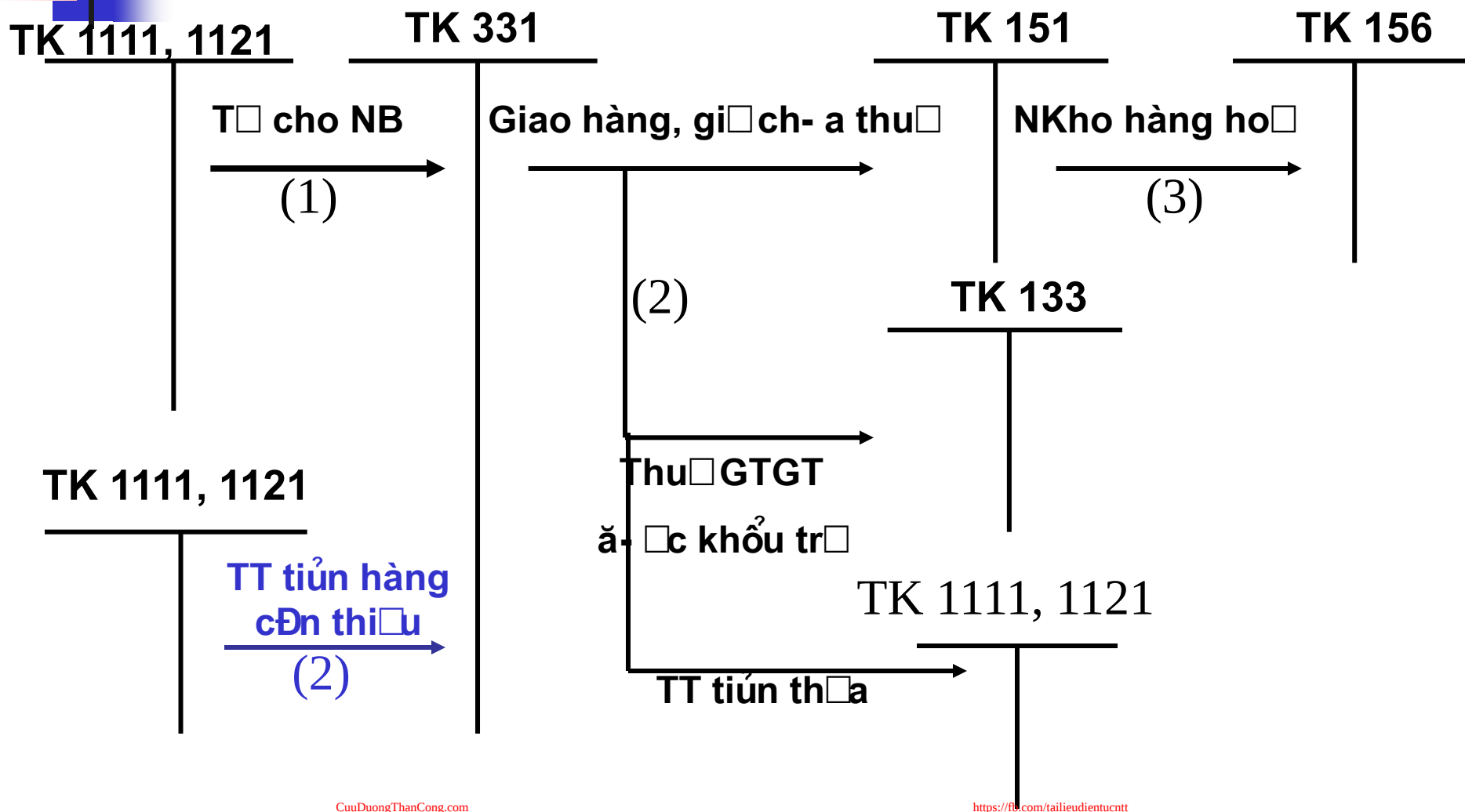
(2)

Thu GTGT và các
khấu trừ

TK 133

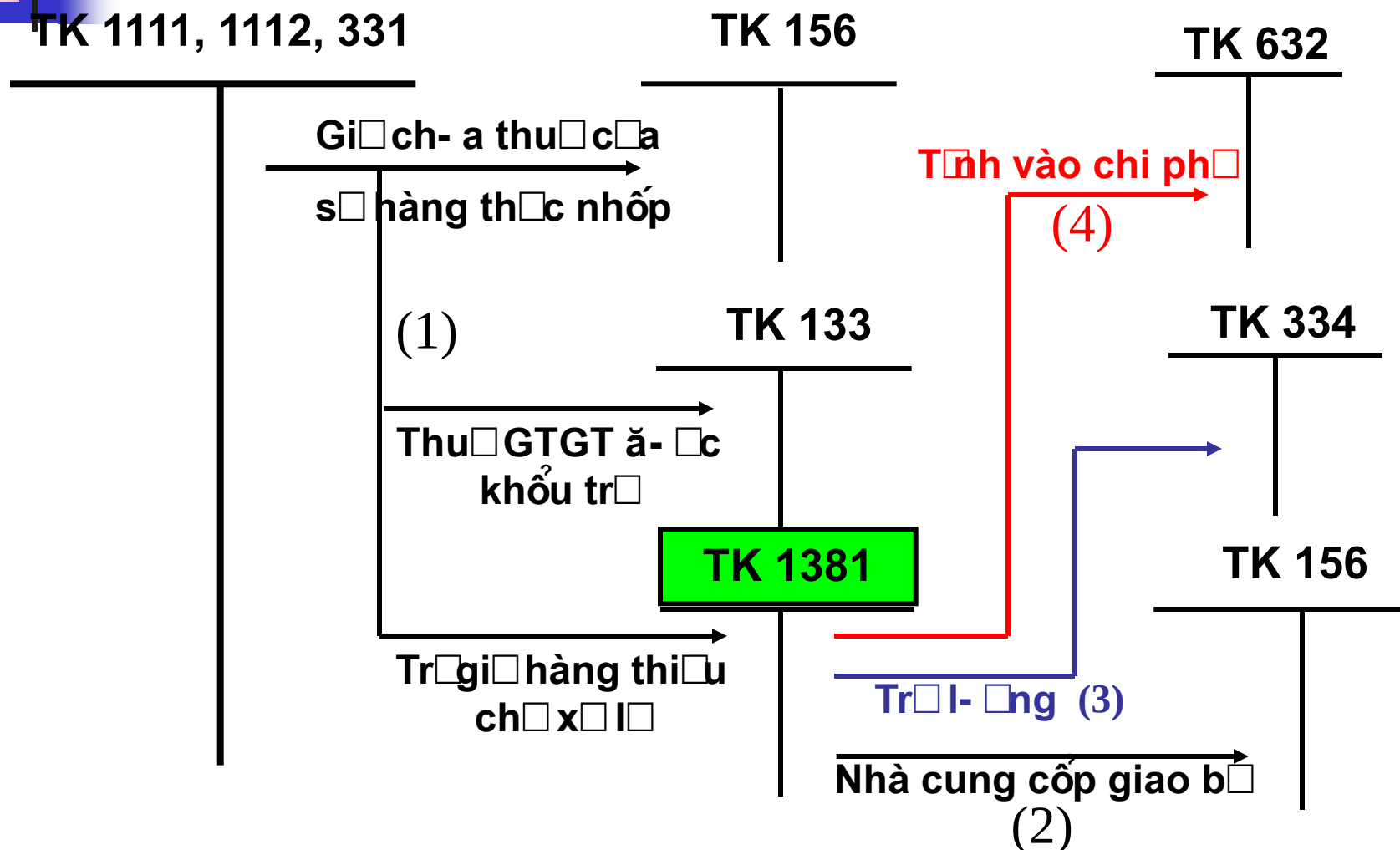
Kế toán thu mua hàng hóa XK

Đặt hàng



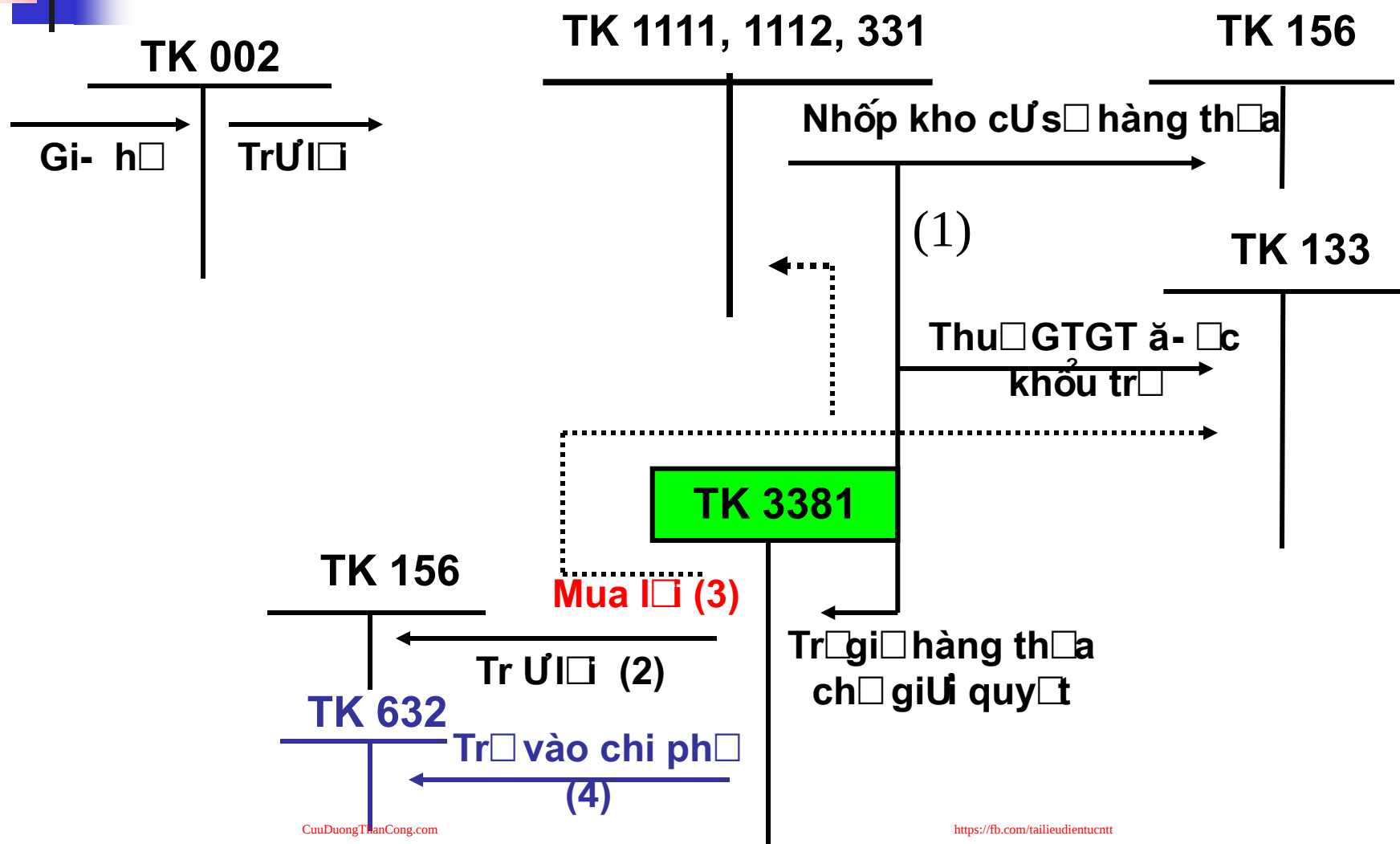
K_{to}h thu mua hàng ho_{XK}

Mua hàng tr_c ti_p tr- _{ng} h_p thi_u hàng



Kế toán thu mua hàng hóa XK

Mua hàng trực tiếp ở nước ngoài hợp pháp hàng





6. K_ho_an xu_ut₂ kh_ou h_ang ho_a

a. Hàng ho_a xu_ut₂ kh_ou:

- Hàng ho_a, d_ich v_a b_an theo h_ap ă_ng mua b_an ngo_ai th- _ang.
- Hàng tr_ien l_am, h_ai ch_a sau ă_n b_an, thu ngo_ai t_a.
- Hàng vi_an tr_a theo hi_ap ă_nh, ngh_aă_nh th- giao cho doanh nghi_ap XNK th_ac hi_ah.
- Hàng b_an cho ng- _ai n- _ac ngo_ai, thanh to_an b_ang ngo_ai t_a.
- NVL cung c_ap cho c_ac c_ang tr_anh thi_at b_ato_an b_a theo y_au c_au c_aa nhà th_au n- _ac ngo_ai.
- D_ich v_a s_aa ch_au t_au bi_an, m_ay bay cho n- _ac ngo_ai, thanh to_an b_ang ngo_ai t_a.

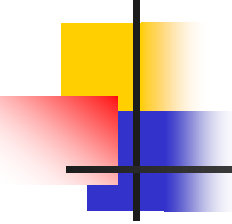
Kế toán xuất khẩu hàng hoá

b. Thời điểm bán hàng, ghi nhận doanh thu

Khi bán giao hàng và khách hàng chấp nhận thanh toán:

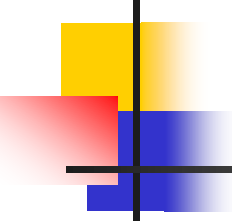
Thời điểm giao hàng (theo các FOB, CIF)

- Ngày bán: ngày khách vốn chấp nhận và hiểu quan cũng bán xong nhận hoàn thành thủ tục hiểu quan
- Ngày sản, chấp nhận bán: ngày hàng rời biển gửi theo xác nhận của hiểu quan của khách.
- Ngày kháng: ngày cửa quan hàng kháng khách hàng trả vốn chuyển và hiểu quan xác nhận hoàn thành thủ tục hiểu quan.
- Hàng trị nguyên, hiểu chấp: khi hoàn thành thủ tục mua bán.
- Các dịch vụ: khi hoàn thành các dịch vụ, xuất hoá chấp cho người mua.



Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn thương mại (Commercial Invoice).
- Vận đơn đường biển (Bill of Lading - B/L) hoặc đường hàng không (Bill of air - B/A).
- Chứng từ bảo hiểm, có thể là đơn bảo hiểm (Insurance Policy) hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm (Insurance Certificate).
- Giấy chứng nhận phẩm chất (Certificate of Quality).



Chứng từ sử dụng

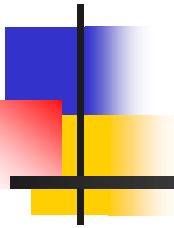
- Giấy chứng nhận xuất xứ (Certificate of Original).
- Giấy chứng nhận kiểm dịch đối với hàng hoá nông sản, thực phẩm.
- Phiếu đóng gói (Parking list).
- Một số các chứng từ cần thiết khác như hồi phiếu, tờ khai hải quan, biên lai thuế và phí các loại,...
- Phiếu thu, phiếu chi.
- Hoá đơn thuế GTGT...

Kế toán xuất khẩu hàng hoá

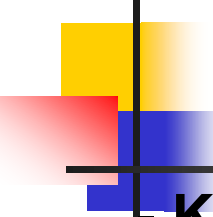
4.

Các phương thức xuất khẩu hàng hoá:

- a. Phương thức xuất khẩu trực tiếp: DN trực tiếp ký kết và thực hiện hợp đồng xuất khẩu hàng hoá với người mua nước ngoài.
- b. Phương thức xuất khẩu uỷ thác: DN ký hợp đồng uỷ thác xuất khẩu hàng hoá với 1 DN khác trong nước, bằng trực tiếp tiến hành giao dịch với người mua nước ngoài. Ông đứng trong trình hợp DN có hàng xuất khẩu như người chủ sở hữu khi trực tiếp bán hàng ra thị trường nước ngoài (chủ sở hữu kinh nghiệm đàm phán, giao dịch với người mua nước ngoài, thu xếp vốn chuyển, làm thủ tục thanh toán cho hàng hoá v.v.)



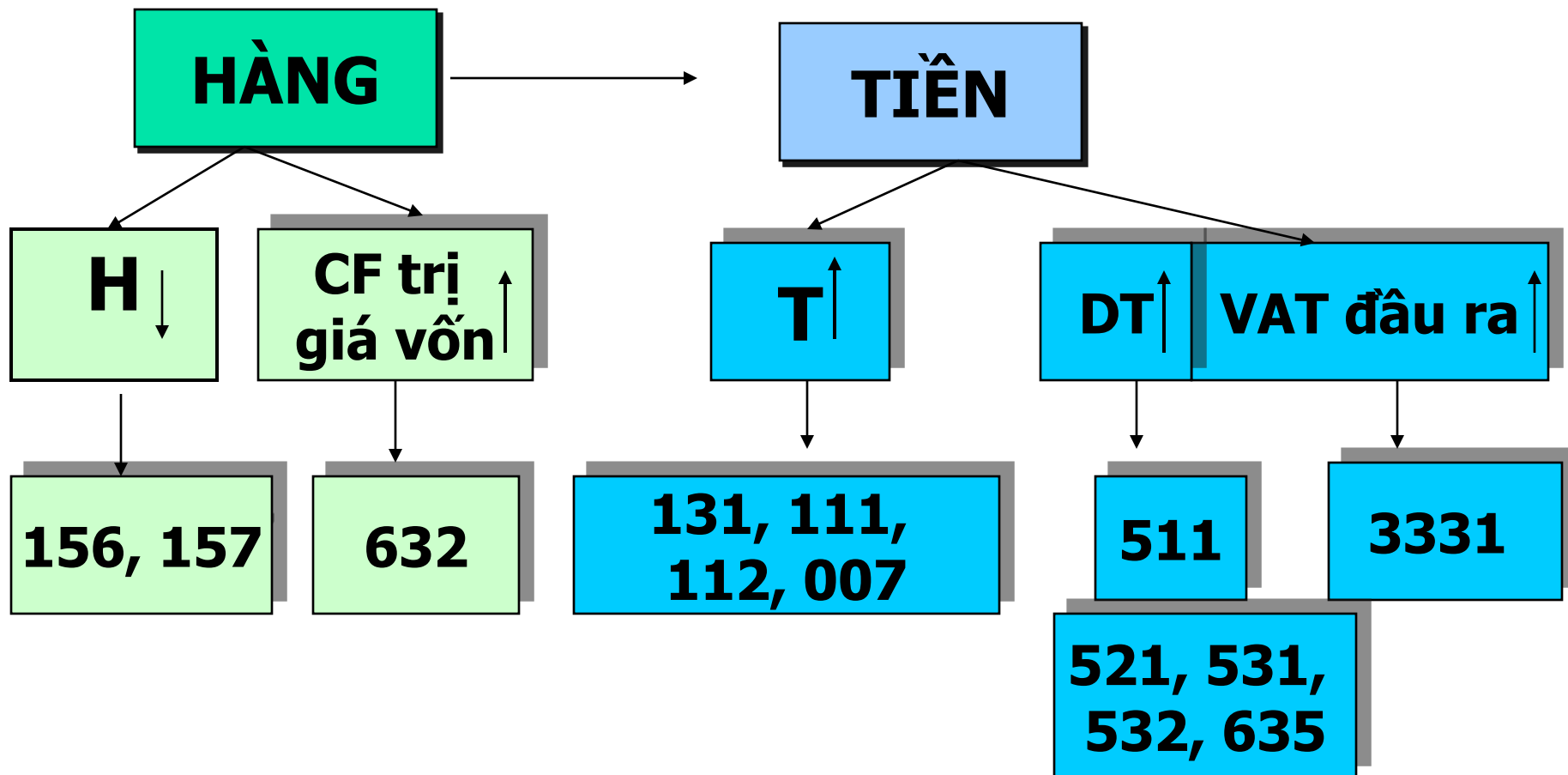
Kế toán xuất khẩu trực tiếp



Trình t² Xuất khẩu tr²c ti²p

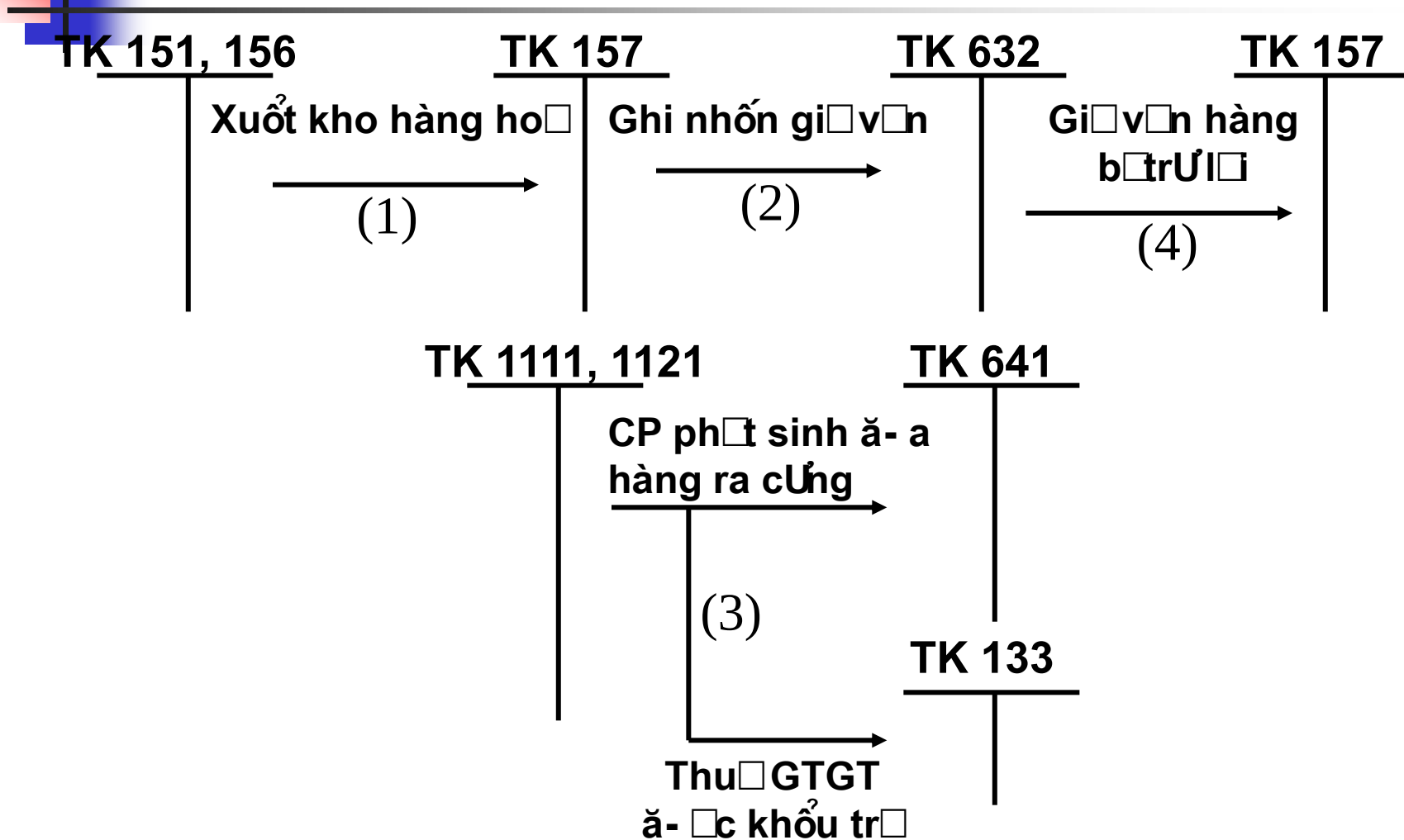
- K²k²t h²p ă²ng ngo²i th- ²ng v²i ng- ²i mua n- ²c ngo²ai.
- Y²ầu c²u b²ản NK m²L/C. Khi nh²ón ă- ²c gi²ởy b²o m²L/C, ti²h hành ki²m tra L/C (ă²i chi²u L/C v²i h²p ă²ng ngo²i th- ²ng)
- Xin gi²ởy ph²p XK l²ầ hàng (n²u c²h)
- Thu x²p ph- ²ng ti²h v²ốn t²ủ.
- L²ớp ho²ă²n th- ²ng m²i và b²Ủng k²ả chi ti²t ă²ng g²i.
- Xin ho²ă²n l²nh s², gi²ởy ch²ng nh²ón xu²t x²
- Chuy²ợn hàng ra c²Ủng ch² làm th²t²c b²c hàng l²ần tàu.
- Ti²h hành c²c th²t²c th²ng quan cho hàng ho²
- L²ớp b² ch²ng t² thanh to²h và xu²t tr²nh cho ng²ân hàng ă² ă- ²c thanh to²h ho²c ch²p nh²ón thanh to²h.
- Nh²ón t²ủn hàng t² ng- ²i nh²ốp kh²ộ.

Tài khoản sử dụng



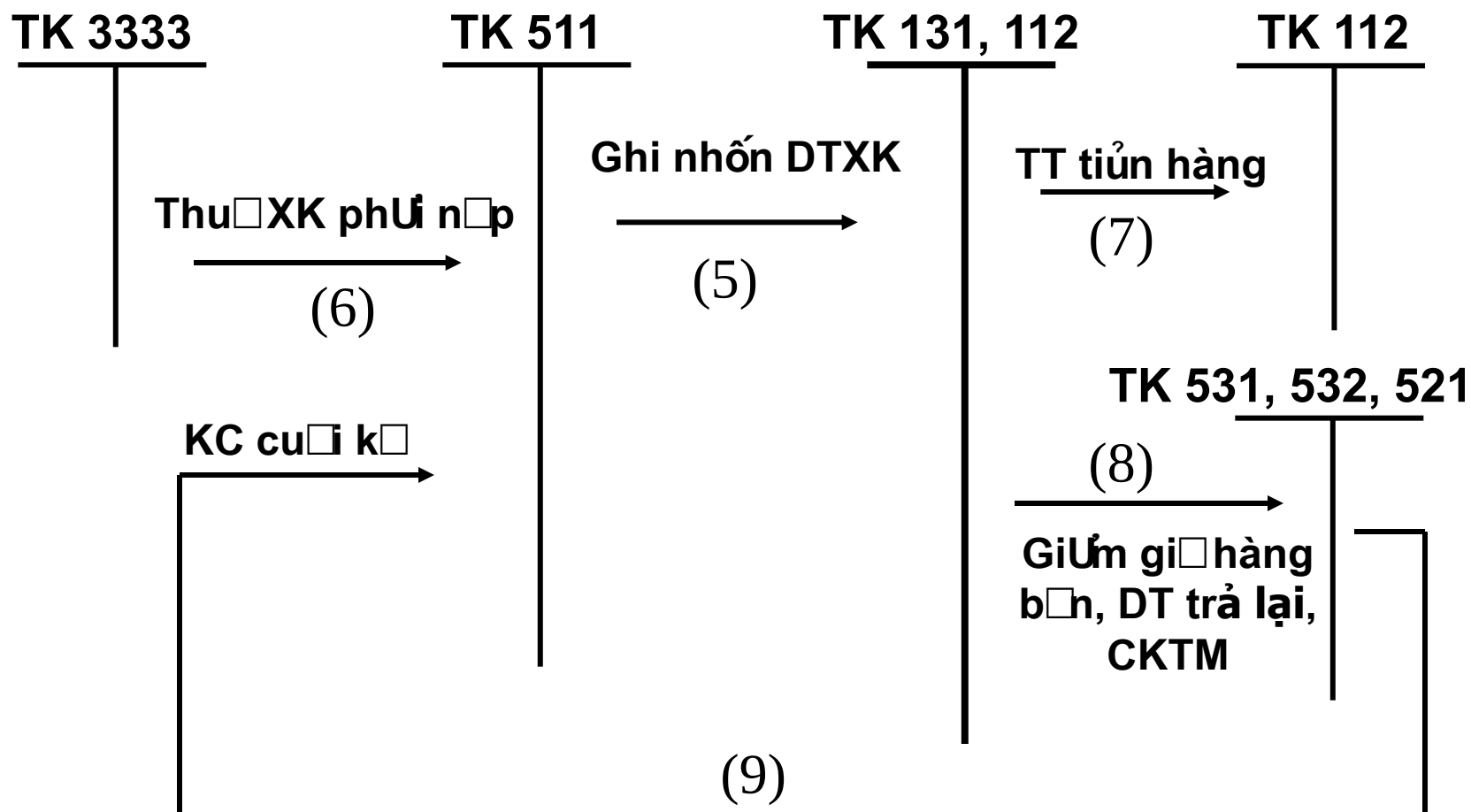
Xuất khẩu trực tiếp

Ghi nhồn chi ph^h ph^ht sinh trong qu^h tr^hnh XK

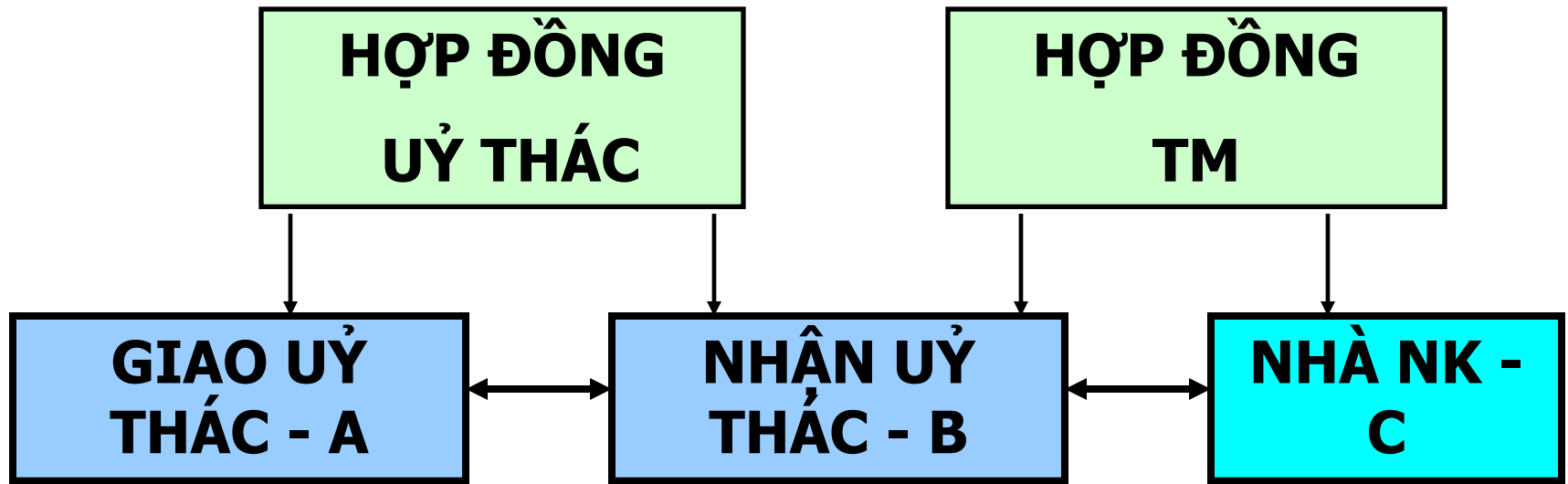


Xuất khẩu trực tiếp

Ghi nhồn Doanh thu hàng XK



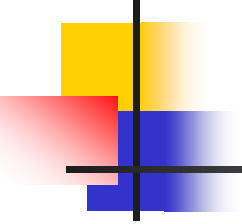
Kế toán XK uỷ thác



Xuất khẩu uỷ thác

■ **Cơ sở pháp lý và văn bản quy phạm pháp luật về xuất khẩu uỷ thác: Thông tư 108/2001/TT-BTC ngày 31/12/2001**

- **Đối với hàng hoá xuất khẩu:** Bản uỷ thác XK ả- các coi nh- ng- i bán hàng, bản nhốn uỷ thác XK ả- các coi nh- ng- i mua hàng.
- **Đối với các khoản chi phí** mà bản nhốn uỷ thác chi nh- chi phí vốn chuyển, b- c d, thu XK v.v. liên quan ả- hàng uỷ thác, bản nhốn uỷ thác coi nh- chi h- bản uỷ thác
- **Đối với dịch vụ xuất khẩu uỷ thác:** Bản nhốn uỷ thác XK ả- các coi là ng- i cung cấp dịch vụ và bản uỷ thác ả- các coi là ng- i mua dịch vụ.

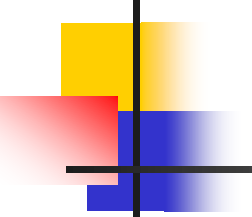


Xuất khẩu uỷ thác

- **Hàng và bản uỷ thác xuất khẩu (A)**
 - Ký kết hợp đồng uỷ thác xuất khẩu
 - Cung cấp hàng hoá mẫu và mọi tài liệu liên quan đến hàng hoá để đơn vị nhận uỷ thác chào hàng.
 - Xuất hàng giao cho cơ sở nhận uỷ thác
 - Thanh toán các khoản chi phí và thuế mà bên nhận uỷ thác chi hộ.
 - Trả phí uỷ thác và nhận tiền hàng.

■

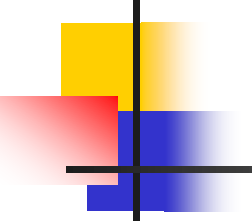
- —
—
—
—
—



Xuất khẩu uỷ thác □ Tài khoản

■ □□i v□i bản uỷ thác xuất khẩu (A)

- Tài khoản 131" Phải thu khách hàng" dùng để phản ánh số phải thu về tiền hàng mà đơn vị nhận uỷ thác xuất khẩu phải hoàn trả lại cho doanh nghiệp.
- Tài khoản 338" Phải trả, phải nộp khác" dùng để phản ánh số tiền phải trả cho đơn vị nhận uỷ thác xuất khẩu về các khoản sau:
 - Các khoản thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) mà đơn vị nhận uỷ thác xuất khẩu đã nộp hộ.
 - Các khoản phí liên quan đến uỷ thác xuất khẩu mà đơn vị nhận xuất khẩu uỷ thác đã chi hộ.
 - Phí uỷ thác xuất khẩu.



Xuất khẩu uỷ thác □ Tài khoản

■ □□□ v□□□ bản nhận u□□□ th□□□ xuất khẩu (B)

- **Tài khoản 331 “ Phải trả cho người bán” dùng để phản ánh:**
 - Tiền hàng thu hộ phải hoàn trả cho đơn vị uỷ thác xuất khẩu .
 - Các khoản thuế xuất khẩu , thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) phải nộp thay cho đơn vị uỷ thác xuất khẩu.
- **Tài khoản 131 “ Phải thu của khách hàng” dùng để phản ánh số phí uỷ thác xuất khẩu phải thu của đơn vị uỷ thác xuất khẩu.**
- **Tài khoản 138 “Phải thu khác” dùng để phản ánh các khoản phí liên quan đến hoạt động uỷ thác xuất khẩu đã chi hộ cho đơn vị uỷ thác xuất khẩu.**

Xuất khẩu uỷ thác

A: ghi nhận chi phí hàng xuất khẩu uỷ thác:

TK 151, 156

TK 157

TK 632

TK 157

Xuất kho hàng hoá



(1)

Ghi nhận giá trị

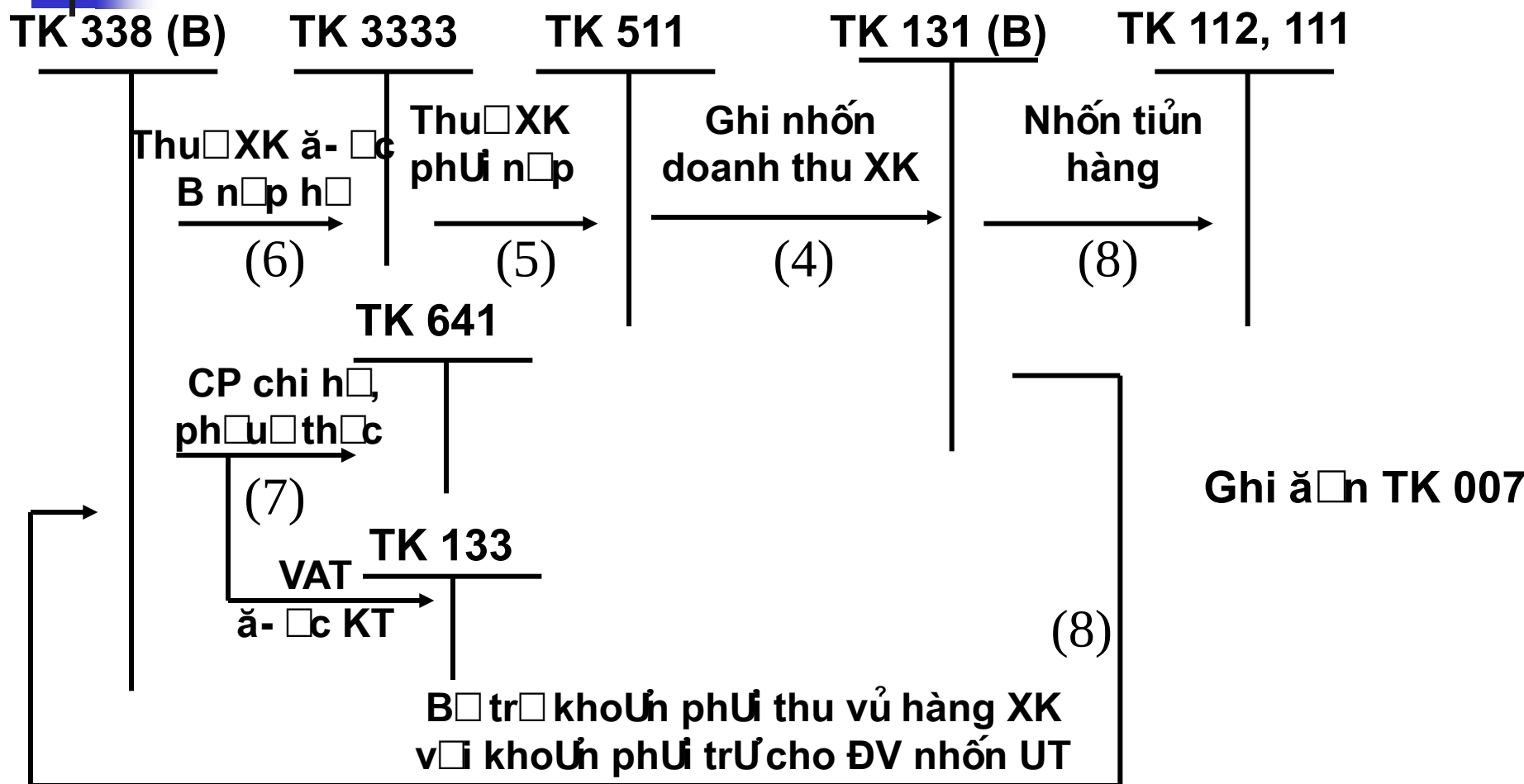


(2)

Giá trị
hàng bán
lại
(3)

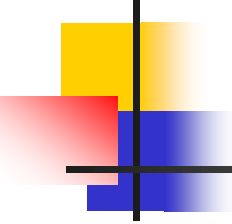
Xuất khẩu uỷ thác

- A: ghi nhận doanh thu xuất khẩu uỷ thác:



■ v bản nhôn u th c xuôt khôu B :

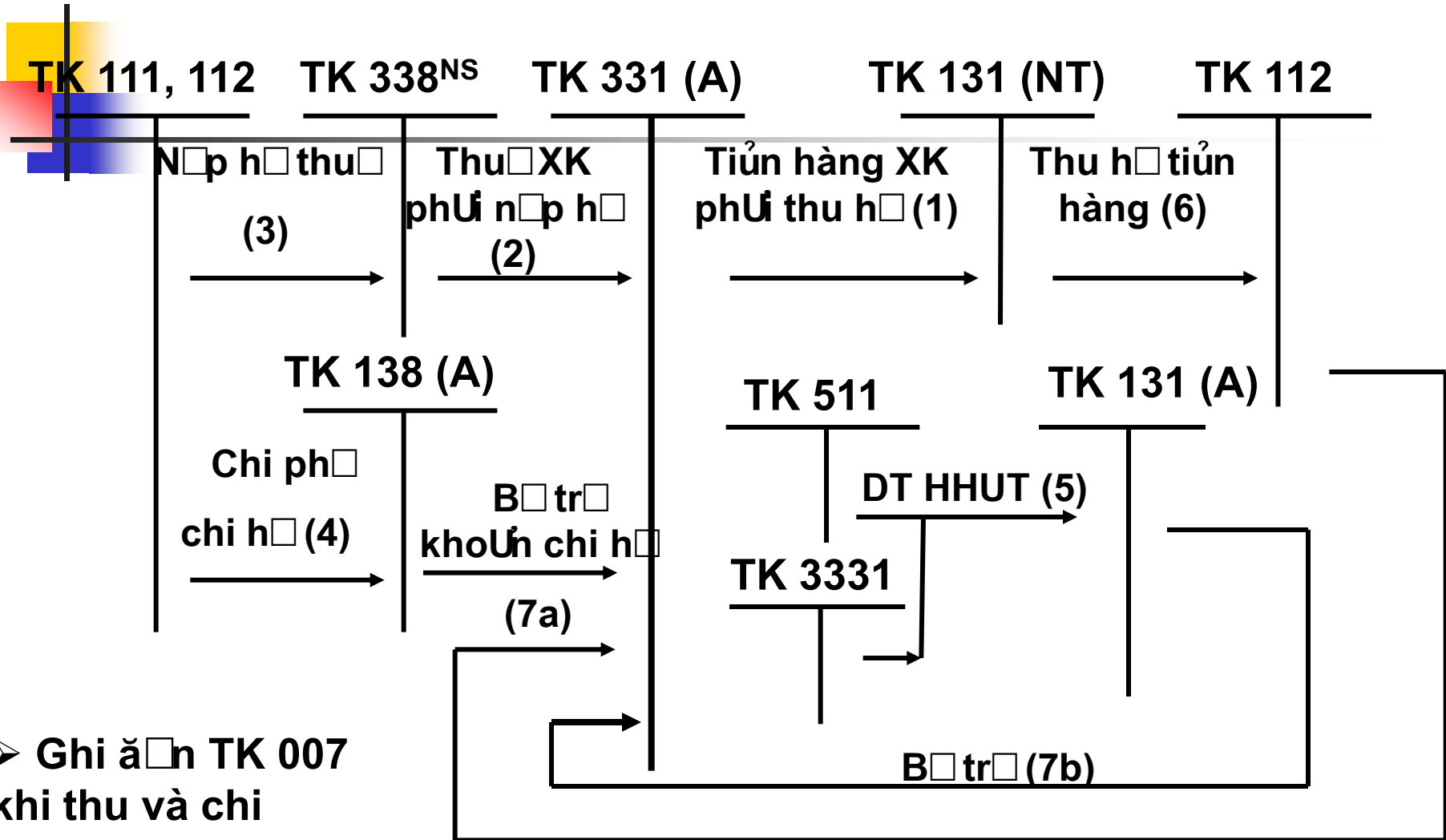
- **K² kết hợp ă²ng u²th²c xuất khẩu**
- **K² kết hợp ă²ng ngo²i th- ă²ng v²i ng- ă²i mua n- ă²c ngoài.**
- **Nhốn hàng vủ ă²ợ xuất khẩu**
- **Ti²h hành c²c th²t²c ă²ợ XK hàng ho²và chi h²c²c kho²U²n chi ph²cho bắ²n u²th²c XK.**
- **Xuố²t khẩu hàng ho²và thanh to²h v²i ng- ă²i mua n- ă²c ngoài.**
- **Thanh quy²t to²h ti²u²n hàng, hoa h²ng ă²- ă²c h- ă²ng và c²c kho²U²n chi h² bắ²n u²th²c.**



Xuất khẩu uỷ thác

- Đối với bên nhận uỷ thác xuất khẩu B:
Khi nhận hàng của đơn vị uỷ thác xuất khẩu:
Nợ TK 003: Giá trị hàng ghi theo giá bán.
- Khi hàng đã đ- ọc coi là xuất khẩu:
Có TK 003: Giá trị hàng ghi theo giá bán.

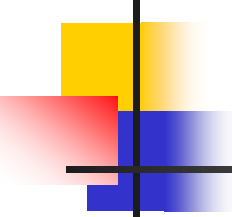
□□i v□i bản nhốn u□th□c xuố□t khộu B :



➤ Ghi ấ□n TK 007
 khi thu và chi
 ngo□i t□

➤ Ghi ấ□n TK 003

Chuyợn trỦ tiủn hàng sau khi ấ□ tr□ chi ph□u□ th□c
 và c□c khoỦ chi h□ : (7)



Bài tập ví dụ

- Ngày 2/3, CT X xuất kho một lô hàng có trị giá 360 triệu cho CT Y để nhờ xuất khẩu hộ.
- Ngày 5/3, CT Y thông báo hàng đã sắp xếp lên tàu, hoàn thành các thủ tục hải quan, bên mua đã chấp nhận thanh toán với giá bán là 30.000 USD, thuế XK là 20% trên doanh thu, TGTT: 16000đ/USD.
- Ngày 9/3, CT X chuyển TGNH cho CT Y để nộp thuế hộ.
- Ngày 11/3: CT Y nộp thuế và đã chuyển trả biên lai thu thuế.
- Ngày 17/03, nhà nhập khẩu chuyển tiền cho CT Y.
- Ngày 20/03, công ty Y chuyển trả tiền cho CT X sau khi giữ lại phần hoa hồng là 4% trên giá bán, VAT 10%.

Định khoản

CT X

2/3

N 157 360
C 156 360

5/3

N 131 Y 480
C 511 480

N 511 96
C 3333 96

CT Y

N 003 360

N 131 Z 480
C 331 480

N 331 X 96
C 338ns 96

Định khoản

CT X

9/3

N 338 Y 96
C 111 96

11/3

N 3333 96
C 338 Y 96

17/3

CT Y

N 111 96
C 138 X 96

N 338NS 96
C 111 96

N 112 480
C 131 Z 480

N 007 30.000 USD

Định khoản

CT X

20/3

N 112 458,88
C 131 Y 458,88

N 007: 28.680 USD

N 641 19,2
N 133 1,92
C 138 Y 21,12

CT Y

N 338 X 458,88
C 112 458,88

C 007: 28.680 USD

N 338X 21,12
C 511 19,2
C 3331 1,92